

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ  
VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2010 ĐẾN 30/06/2010**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
Lô 51 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xã  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>1</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>2</b>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>3-4</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>5</b>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	<b>6</b>
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>7-17</b>

17/01/2024  
TY  
ĐH  
TH  
HH  
17/01/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
Là 33 Đường NG, Cụm Công nghiệp Áa Xi  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (gọi tắt là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch
Ông Mai Vũ Thạch	Thành viên
Ông Vũ Quốc Trị	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Mai Vũ Thạch	Giám đốc
Ông Vũ Quốc Trị	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các sai đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Mô tả các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu nào được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thủy mặc vụ đại diện cho Ban Giám đốc,



Mai Vũ Thạch  
Giám đốc  
Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Số *11/04/KTV* - 2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bảo an Thiết bị và Xây lắp điện Thiềm Trường

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng Căn cứ kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Bảo an Thiết bị và Xây lắp điện Thiềm Trường (gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân tích tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống kê kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính nêu trên 3 đến trang 17. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những việc tình quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Hoàng Đông  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1104/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International  
Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Chu Quang Tăng  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1622/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

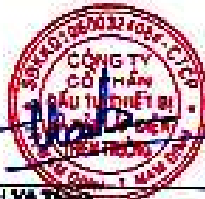
**MẪU B-01-DM**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tuyệt đối	30/06/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100+110+120+(130+135)+(140))	<b>100</b>		<b>31.191.300.193</b>	<b>21.974.403.337</b>
<b>L. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>930.794.495</b>	<b>607.409.557</b>
1. Tiền	111		930.794.495	607.409.557
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.430.729.336</b>	<b>10.939.711.370</b>
1. Phải thu khách hàng	131		15.152.493.621	10.573.481.049
2. Trả trước cho người bán	132		3.274.319.123	366.230.321
3. Các khoản phải thu khác	133		3.716.383	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.3</b>	<b>11.554.379.387</b>	<b>10.003.003.424</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.554.379.387	10.003.003.424
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>275.414.785</b>	<b>404.983.986</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		154.313.385	103.479.703
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		120.894.900	323.004.283
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>11.347.405.140</b>	<b>4.990.306.913</b>
<b>L. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.347.405.140</b>	<b>4.990.306.913</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>4.3</b>	8.840.291.299	2.547.362.134
- Nguyên giá	222		9.334.380.229	2.953.890.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(498.288.930)	(406.528.095)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>4.4</b>	111.844.826	113.450.253
- Nguyên giá	228		125.252.000	125.252.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.407.174)	(11.801.747)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>4.5</b>	2.295.469.015	2.109.494.106
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (370 = 100 + 200)</b>	<b>370</b>		<b>42.438.705.333</b>	<b>26.734.710.250</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

**MẪU M 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (200-300-330)</b>	<b>200</b>		<b>14.270.837.577</b>	<b>14.594.314.487</b>
I. Nợ ngắn hạn	300		13.459.643.313	13.490.839.323
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.6	3.200.000.000	2.720.000.000
2. Phải trả người bán	312		9.010.148.337	9.801.161.834
3. Người mua trả tiền trước	313		573.023.704	160.453.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.7	676.490.171	1.011.123.468
II. Nợ dài hạn	300		811.175.365	811.175.365
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.8	800.000.000	800.000.000
0. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.175.365	11.175.365
<b>B. NGUỒN VỐN (400-410-430)</b>	<b>400</b>		<b>28.167.976.756</b>	<b>13.222.700.163</b>
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	4.9	28.167.976.756	13.222.700.163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	12.060.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	4.10	3.167.976.756	222.700.163
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>42.438.814.333</b>	<b>28.778.914.650</b>



Mai Văn Thiệp  
 Giám đốc  
 Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

*Jfm*

Trần Thị Hồng Liên  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu số 00-BN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	01/01/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.11	15.427.668.910	31.697.155.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		15.427.668.910	31.697.155.980
4. Giá vốn hàng bán	11	4.12	11.596.983.977	28.816.787.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.030.704.933	2.880.368.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	4.13	4.693.678	29.603.330
7. Chi phí tài chính	32	4.14	190.538.973	589.574.721
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		190.538.973	589.019.620
8. Chi phí bán hàng	34		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		395.143.045	1.585.733.842
10. Lợi nhuận (chưa trừ hoạt động kinh doanh) (30 = 20 + (31 - 32) - (34 + 25))	30		2.945.716.593	164.673.910
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		440.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(440.000)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.945.276.593	164.673.910
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.15	-	3.156.978
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.945.276.593	158.956.932



Mai Vũ Thạch  
 Giám đốc  
 Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trần Thị Hồng Miền  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 Đường NG, Cụm Công nghiệp An Khê  
Thị trấn phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp giá trị sổ sách)

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu số 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.945.276.593	164.073.519
2. Điều chỉnh các khoản				
- Khoản hao TSCĐ	02		93.376.282	189.136.396
- Chi phí tài trợ	06		190.538.973	538.019.820
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.229.191.848	891.229.735
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(7.495.732.303)	(6.763.443.085)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		1.005.527.837	1.726.942.389
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể tài trợ)	11		(713.377.110)	(3.002.463.009)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(51.836.182)	(103.479.703)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(189.148.133)	(540.125.203)
- Thu từ nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(546.000)	(1.635.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.275.128.062)	(7.794.839.999)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.949.003.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(1.949.003.906)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các sở hữu	31		4.038.505.000	9.900.600.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.400.000.000	4.120.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.920.000.000)	(4.741.512.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.518.505.000	9.279.687.651
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (30 = 20+30+40)	50		313.384.938	(445.476.254)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		407.409.557	1.472.885.811
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.1	930.794.495	407.409.557



Mai Văn Thạch  
Giám đốc  
Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

*JFM*

Trần Tu Hồng Miền  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thị trấn Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ 09-DNN

Các Thành viên này là bộ phận App chính và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0600324004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 04 năm 2010 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thuận Hưng.

Công ty Cổ phần Thuận Hưng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703900328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; San lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy sản, phân bón nông nghiệp; Sản xuất các mặt hàng nhựa, cơ khí xuất khẩu; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bảo chính viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hoá chất ngành in; Văn tài hàng hoá và khách hàng theo hợp đồng; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Khai thác, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị ngành công trình.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**2.2 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng và thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông lệ hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO TỬ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP HỆM THIÊN TRƯỜNG**

Lô 33 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B 09-DNN

Các Thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính khác của

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (tỷ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện khác với các ước tính, giả định dự ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để đảm bảo chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn vướng vạ.

**3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá nhập ban giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành công chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho hội thời, hàng, kém phẩm chất mong muốn, hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**3.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

**3.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là đất là 50 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 53 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thị trấn Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MÃ SỐ 09-0000

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bán kỹ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí tài trợ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đơn tính, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.10 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước định một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa trên các Biên bản nghiệm thu, quyết toán công, phân hoặc toàn bộ công trình.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**3.11 Các khoản trả trước ngắn hạn**

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được phân bổ ngay 50% giá trị vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi xuất dùng và phân bổ một giá trị còn lại khi có giấy báo hỏng.

**3.12 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chế độ lịch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chế độ lịch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tài ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**3.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Khê  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Bản cáo bạch chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MÃU B-09-BNN

Các *Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.*

**3.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**3.14 Thuế**

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí vĩnh viễn hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau công về thuế thu nhập doanh nghiệp tự thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dự trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho các tài khoản chênh lệch tạm thời của tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi số trừ trường hợp không thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Biên bản xác nhận đăng ký đầu tư dự án, số 07121000070 ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động. Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

XUẤT  
NG  
EM  
H  
CH  
TH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN TRƯỜNG**Lô 55 Đường NG, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B-CĐ-ĐN

Các Thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	216.404.396	211.195.633
Tiền gửi Ngân hàng	714.399.099	396.213.934
<b>Cộng</b>	<b>930.794.495</b>	<b>607.409.567</b>

**4.2 Hàng tồn kho**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.141.721.833	436.760.796
Công cụ, dụng cụ	469.247.996	348.396.689
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.943.301.138	2.235.493.312
Hàng hoá	-	3.011.511.627
<b>Cộng</b>	<b>11.554.270.997</b>	<b>10.032.062.424</b>

**4.3 Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây cối VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 31/12/2009	1.438.088.080	1.475.883.965	58.076.264	-	2.972.048.309
Tăng trong năm	604.700.000	-	-	5.780.000.000	6.388.788.000
Hủy trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	604.700.000	-	-	5.780.000.000	6.389.400.000
Gảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	<b>2.042.788.080</b>	<b>1.475.883.965</b>	<b>58.076.264</b>	<b>5.780.000.000</b>	<b>9.356.748.309</b>
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÔN LỖY KẾ</b>					
Số dư tại 31/12/2009	189.447.830	193.497.195	23.773.260	-	406.718.285
Tăng trong năm	49.924.994	34.964.884	6.888.977	-	91.778.855
Khấu hao trong năm	49.924.994	34.964.884	6.888.977	-	91.778.855
Gảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	<b>239.372.824</b>	<b>228.462.079</b>	<b>30.662.237</b>	<b>-</b>	<b>498.497.140</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 31/12/2009	1.248.640.250	1.282.386.770	34.303.004	-	2.565.330.024
Tại 30/06/2010	<b>1.783.415.256</b>	<b>1.247.421.886</b>	<b>27.413.027</b>	<b>5.780.000.000</b>	<b>8.840.250.169</b>

CÔNG TY NAM ĐỊNH  
17/06/2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO TỬ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN TRƯỜNG**Số 33 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Số tài khoản 09-0000

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.4 Tài sản cố định vô hình**

	Quyển số dụng cụ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 31/12/2009	112.752.000	12.600.000	125.352.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	<u>112.752.000</u>	<u>12.600.000</u>	<u>125.352.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỖY KẾ</b>			
Số dư tại 31/12/2009	- 4.510.000	7.291.667	11.801.747
Tăng trong kỳ	563.760	1.041.667	1.605.427
Khấu hao trong kỳ	563.760	1.041.667	1.605.427
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	<u>5.073.840</u>	<u>8.333.334</u>	<u>13.407.174</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 31/12/2009	<u>108.242.000</u>	<u>5.308.333</u>	<u>113.450.333</u>
Tại 30/06/2010	<u>107.678.160</u>	<u>4.166.666</u>	<u>111.844.826</u>

**4.5 Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình xây dựng nhà, hàng rào khu Công nghiệp	2.195.469.015	2.189.494.166
Số dư cuối kỳ	<u>2.195.469.015</u>	<u>2.189.494.166</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 Đường NG, Cụm Công nghiệp An Khê  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B-C9-DNN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.4 Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>		
<b>Vay Ngân hàng</b>	2.100.000.000	630.000.000
<i>Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định</i>		
Hợp đồng vay số 03/2009/HĐ03/1446074, ngày 23/09/2009 với số tiền 230.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích trả tiền mua vật tư thi công công trình, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bắt vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất được áp dụng là lãi suất 10,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi và điều chỉnh sau 3 tháng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 100% lãi suất vay trong hạn và lãi vay được thanh toán vào ngày 15 hàng tháng. Bản vay cam kết trả nợ ngày 23/03/2010.	-	220.000.000
<i>Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành Nam</i>		
Hợp đồng vay số 3202LA2009033, ngày 17/06/2009 với mức dư nợ cao nhất 500.000.000 đồng. Ông nhận nợ lần 1 ngày 29/04/2009 với số tiền 300.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích thanh toán tiền mua nguyên liệu theo HĐKT số 23/HĐKT-3T ngày 23/06/2009, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày bắt vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất được áp dụng là lãi suất 10,5%/năm và lãi suất cơ bản tăng thì lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn và lãi vay trả cùng với kỳ hạn trả nợ gốc, có thể trả dần hàng tháng. Bản vay cam kết trả nợ ngày 29/04/2010. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố tài sản tại sân.	2.100.000.000	-
Hợp đồng vay số 3202LA200900838, ngày 15/01/2010 với mức dư nợ cao nhất 2.200.000.000 đồng. Hợp đồng thực hiện theo từng lần nhận nợ. Khoản vay với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu hàng hóa. Lãi suất được áp dụng là lãi suất 12%/năm và lãi suất, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn và lãi vay trả cùng với kỳ hạn trả nợ gốc, có thể trả dần hàng tháng. Bản vay cam kết trả nợ ngày 29/04/2010. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố tài sản tại sân.	1.600.000.000	-
Hợp đồng vay số 2302LAV201000, ngày 29/06/2010 với số tiền 500.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu hàng hóa. Lãi suất được áp dụng là lãi suất 14,5%/năm và lãi suất, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn và lãi vay trả cùng với kỳ hạn trả nợ gốc, có thể trả dần hàng tháng. Thời hạn vay vốn là 3 tháng kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2010 với ngày nhận nợ lần đầu là 29/06/2010 và ngày trả nợ cuối cùng là 29/11/2010. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố tài sản tại sân theo hợp đồng thế chấp số KD210150626.	500.000.000	-
<b>Vay có nhàn</b>	1.100.000.000	2.200.000.000
<b>Cộng</b>	<u>3.200.000.000</u>	<u>2.730.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÀU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 35 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Khê

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**TRUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MÀU B 99-DNN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**4.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	656.980.178	991.366.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.309.993	20.633.993
<b>Cộng</b>	<b>676.290.171</b>	<b>1.011.400.468</b>

**4.8 Các khoản vay và nợ dài hạn**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn		
Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên	800.000.000	800.000.000
Hợp đồng tín dụng số 3300LAV200900 ngày 17/06/2009 với mức dư nợ cao nhất là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay vốn là 60 tháng. Giấy nhận nợ lần 1 ngày 21/07/2009 mức dư nợ 800.000.000 đồng, khoản vay với mục đích thanh toán tiền thi công công trình nhà điều hành 2 tầng và 3 tầng. Lãi suất tiền vay là 10,5%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất cơ bản tăng thì lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng.	800.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN THƯƠNG**

Lô 53 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thị trấn Nam Định, Tỉnh Nam Định

Mã số thuế doanh

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU 09-DNH

Các Thành viên này là bộ phận hợp thành và chịu trách nhiệm đồng nhất với Báo cáo tài chính của công ty

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

**4.9.1 Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 31/12/2008	2.180.000.000	63.763.331	2.183.763.331
Tăng trong kỳ	9.000.000.000	158.936.933	10.058.936.933
Tổng vốn	9.900.000.000	-	9.900.000.000
Lãi	-	158.936.933	158.936.933
Số dư tại 31/12/2009	12.000.000.000	222.700.163	12.222.700.163
Số dư tại 31/12/2009	12.000.000.000	222.700.163	12.222.700.163
Tăng trong kỳ	13.000.000.000	2.945.276.593	15.945.276.593
Tổng vốn	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	2.945.276.593	2.945.276.593
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	23.000.000.000	3.167.976.756	26.167.976.756

**4.9.2 Chi số Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi số	31/12/2009 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2010 VND
I. Nguồn vốn kinh doanh	12.000.000.000	13.000.000.000	-	25.000.000.000
II. Lợi nhuận chưa phân phối	222.700.163	2.945.276.593	-	3.167.976.756
Cộng	12.222.700.163	15.945.276.593	-	26.167.976.756

**Chi số Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 30/06/2010**

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Giá trị vốn đóng góp tại 30/06/2010 VND
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị VND	
Hoàng Hữu Tuấn	250.000	10	2.500.000.000	2.500.000.000
Mai Vũ Thạch	220.000	9,5	2.200.000.000	2.200.000.000
Cổ đông khác	2.030.000	89,5	20.300.000.000	20.300.000.000
Tổng	2.500.000	100	25.000.000.000	25.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 53 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xi

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MÃ LƯU B-09-DNM

Các Thành viên này là bộ phận lập thành và chịu được đặc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.10 Phải phải lợi nhuận**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	222.700.143	43.743.231
Tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh trong kỳ	2.943.276.593	144.073.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	5.136.578
Lợi nhuận sau thuế	2.943.276.593	138.936.932
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>3.167.976.736</b>	<b>222.700.143</b>

**4.11 Doanh thu bán hàng**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu công trình xây lắp	5.100.394.538	29.746.347.672
Doanh thu bán hàng	10.527.214.352	1.310.788.908
<b>Cộng</b>	<b>15.627.608.910</b>	<b>31.057.136.580</b>

**4.12 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn công trình xây lắp	4.602.377.909	27.677.456.153
Giá vốn hàng bán	6.994.926.806	1.139.331.292
<b>Cộng</b>	<b>11.597.304.715</b>	<b>28.816.787.445</b>

**4.13 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.692.078	14.833.439
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	14.169.899
<b>Cộng</b>	<b>4.692.078</b>	<b>29.003.338</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP BIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Là 53 Đường NG, Cụm Công nghiệp An Khê  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN10

Các Thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.14 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	190.338.973	538.019.820
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	21.534.901
<b>Cộng</b>	<b>190.338.973</b>	<b>559.554.721</b>

**4.15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	2.948.276.593	164.073.510
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.948.276.593	164.073.510
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất pháp định	736.319.148	41.018.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	736.319.148	35.881.800
<b>Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>5.136.578</b>

Theo biên bản xác nhận đăng ký đầu tư dự án, số 07121000076 ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành dự án dự án vào hoạt động. Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**4.16 Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**4.17 Sự kiện sau ngày kết thúc năm kế toán**

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**4.18 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.



Mai Văn Thạch  
Giám đốc  
Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

*JFM*  
Trần Thị Hồng Mẫn  
Kế toán trưởng